

Phương pháp Nghiên cứu tình huống

Đỗ Thiên Anh Tuấn

Trường Chính sách công và Quản lý Fulbright



Định nghĩa CS

Tác giả	Định nghĩa
Stake (1995)	<i>“Nghiên cứu tình huống vừa là quá trình tìm hiểu về tình huống vừa là sản phẩm của quá trình học tập của chúng ta”</i>
Yin (1994, 2009)	<i>"Tinh năng toàn diện của một nghiên cứu tình huống là sự tập trung cao độ vào một hiện tượng duy nhất trong bối cảnh thực tế của nó..."</i>
	<i>“Nghiên cứu tình huống là một cuộc điều tra thực nghiệm mà</i> <i>• Điều tra một hiện tượng đương đại theo chiều sâu và trong bối cảnh thực tế của nó, đặc biệt khi</i> <i>• Ranh giới giữa hiện tượng và bối cảnh không rõ ràng."</i>
Creswell (2014)	<i>“...một thiết kế định tính trong đó nhà nghiên cứu khám phá sâu một chương trình, sự kiện, hoạt động, quy trình hoặc một hoặc nhiều cá nhân.”</i>
Miles và Huberman (1994)	<i>“...một hiện tượng thuộc loại nào đó xảy ra trong một bối cảnh có giới hạn”</i>
Green and Thorogood (2009)	<i>"Nghiên cứu chuyên sâu về một 'trường hợp' cụ thể, có thể là một địa điểm, cá nhân hoặc chính sách"</i>
George và Bennett (2005)	<i>"...một trường hợp của một lớp sự kiện [trong đó] thuật ngữ lớp sự kiện đề cập đến một hiện tượng được quan tâm khoa học... mà nhà điều tra chọn nghiên cứu với mục đích phát triển lý thuyết về nguyên nhân của sự tương đồng hoặc khác biệt giữa các trường hợp (tình huống) của loại sự kiện đó"</i>

Hiểu thế nào là đúng về CS?

- CS là nghiên cứu chi tiết về một chủ đề cụ thể, chẳng hạn như một người, nhóm, tổ chức, địa điểm, sự kiện hoặc hiện tượng.
- ‘Đơn vị phân tích’ trong CS có thể là một cá nhân, một gia đình, hộ gia đình, một cộng đồng, một tổ chức, một sự kiện hoặc thậm chí là một quyết định (De Vaus 2001).
- CS thường được sử dụng trong nghiên cứu xã hội, giáo dục, pháp lý, y học, lịch sử, kinh tế, chính trị...
- CS có ý nghĩa cho việc mô tả, so sánh, đánh giá và hiểu các khía cạnh khác nhau của một vấn đề nghiên cứu.
- CS không nhất thiết phải cần một mẫu ngẫu nhiên hoặc đại diện như các mô hình nghiên cứu định lượng hoặc thử nghiệm
 - CS thường cố ý tập trung vào các trường hợp bất thường, bị bỏ quên hoặc ngoại lệ có thể làm sáng tỏ vấn đề nghiên cứu.
 - Đương nhiên, một trường hợp phổ biến hoặc tiêu biểu cũng có thể là lựa chọn để nghiên cứu.

Tính chất và phân loại CS

- **Tính chất**
 - CS là một chiến lược nghiên cứu chứ không chỉ là một phương pháp/kỹ thuật/quy trình thu thập dữ liệu.
 - CS liên quan đến một nghiên cứu chi tiết về đơn vị phân tích có liên quan trong bối cảnh tự nhiên của nó.
- **Yin (2009):**
 - **Mô tả (Descriptive):** Cái gì? (What?)
 - ‘Mô tả’ đặc điểm, tính chất của hiện tượng một cách chi tiết trong thế giới thực của nó.
 - **Giải thích (Explanatory):** Tại sao? Như thế nào? (Why? How?)
 - Lý giải nguyên nhân hay làm thế nào mà một hiện tượng cụ thể xảy ra.
 - **Thăm dò (Exploratory):**
 - ‘Khám phá’ hoặc xác định các câu hỏi nghiên cứu mới có thể được sử dụng trong các nghiên cứu tiếp theo một cách sâu rộng.
- **Stake (1995):**
 - **Nội tại (Intrinsic):** Nghiên cứu một tình huống độc đáo (so với hiện tượng khác).
 - **Công cụ (Instrumental):** Sử dụng tình huống như một công cụ để khái quát hóa.
 - **Tập thể (Collective):** Nhiều tình huống đồng thời hoặc tuần tự nhằm tạo ra sự đánh giá rộng rãi về một vấn đề cụ thể.

Ưu điểm và nhược điểm của CS

Ưu điểm

Tạo ra dữ liệu chi tiết, định tính và mang lại những hiểu biết sâu sắc cho một vấn đề/tình huống/hiện tượng/sự việc cụ thể.

Sử dụng phương pháp đa nguyên có giá trị cao, cho phép kiểm tra chéo ('Phép đo tam giác' _ 'Triangulation' hay phép kiểm tra chéo).

Có thể thu thập cả dữ liệu định tính và định lượng.

Chi phí nghiên cứu một CS thường sẽ thấp hơn so với nghiên cứu tổng thể rộng lớn.

Nhược điểm

Bị chỉ trích vì cỡ mẫu nhỏ và không mang tính đại diện, nghĩa là các phát hiện không thể được khái quát hóa cho tổng thể rộng hơn.

Theo những nhà thực chứng, rất khó tái tạo hay sao chép do hoàn cảnh riêng của từng CS.

Sự thiên vị và ảnh hưởng của nhà nghiên cứu có thể ảnh hưởng đến tính hợp lệ của những phát hiện.

Vẫn có thể tồn kém về chi phí và thời gian để thực hiện một CS.

Có thể có những lo ngại về đạo đức, đặc biệt là các thông tin nhạy cảm.

Từ các quan niệm sai lầm về CS đến những điều cần lưu ý?

- **Các quan niệm sai lầm về CS (theo Flyvberg 2006)**
 - Người ta không thể khái quát hóa trên cơ sở một tình huống duy nhất và do đó, CS không đóng góp vào kiến thức khoa học.
 - CS hữu ích hơn trong việc tạo ra giả thuyết trong khi các phương pháp khác phù hợp hơn để kiểm tra giả thuyết và xây dựng lý thuyết.
 - Thường khó phát triển các mệnh đề/lý thuyết chung trên cơ sở nghiên cứu tình huống cụ thể.
- **Điều gì cần lưu ý?**
 - Không nên sử dụng các CS để xây dựng các lý thuyết trừu tượng vĩ đại.
 - Nên tập trung vào các ‘lý thuyết tầm trung’ (Merton 1967).
 - Các lý thuyết ‘tầm trung’ cho phép khái quát hóa có kiểm chứng từ bối cảnh này sang bối cảnh khác, nhưng không phải là những lý thuyết lớn trừu tượng (William 2016).

Hai khía cạnh quan trọng trong CS về xã hội

- Arya Priya (2021), hai trong số các định hướng nhận thức luận quan trọng nhất làm nền tảng cho chiến lược CS, đó là chủ nghĩa hiện thực (realism) và chủ nghĩa kiến tạo (constructivism).
- Lincoln et al. (2011), bất kỳ phương pháp nghiên cứu xã hội nào cũng phải giải quyết hai yếu tố quan trọng:
 - Bản thể học (ontology): bản chất của thực tế.
 - Nhận thức luận (epistemology): tức là làm thế nào chúng ta biết những gì chúng ta biết ‘how we know what we know’).
- Abercrombie et al. (2006)
 - Nhận thức luận đề cập đến lý thuyết về kiến thức, hay lý thuyết về cách con người tiếp thu kiến thức về thế giới bên ngoài.
 - Vị trí nhận thức luận của một nhà nghiên cứu quyết định phần lớn các phương pháp sẽ áp dụng để thu thập dữ liệu và thu nhận kiến thức về bản chất của thực tế xã hội hiện có (bản thể học).

Khía cạnh đạo đức trong CS

- Thách thức lớn nhất trong CS là làm thế nào để duy trì tính khách quan, và tránh xa những thành kiến và định kiến của một người.
- Nhà nghiên cứu phải tránh xa các định kiến của mình và không áp đặt ý chí lên các đối tượng liên quan
- Bằng cách nào?
 - Giddens và Sutton (2014): Tính phản thân (reflexivity), nhà nghiên cứu cần kiểm soát các giá trị, khuynh hướng, thái độ và nhận thức mà họ mang từ nền tảng xã hội của mình vào lĩnh vực nghiên cứu (ví dụ giới tính, tầng lớp, chủng tộc, tôn giáo, sở thích cá nhân...)
- Karl Popper (1959): Không cần thiết phải tìm kiếm tính khách quan ở cấp độ cá nhân nhà khoa học; tính khách quan đạt được ở cấp độ tập thể. Đó là kết quả của những lời chỉ trích lẫn nhau, nhờ đó loại bỏ những thành kiến cá nhân
- Max Weber (1949): Không thể loại bỏ hoàn toàn những đánh giá về giá trị khỏi các nghiên cứu xã hội. Thay vào đó, nhà nghiên cứu nên làm rõ ràng các ưu tiên giá trị của mình.
- Bảo vệ chuẩn mực đạo đức trong CS (Yin 2014):
 - Có được sự đồng ý từ tất cả các bên liên quan
 - Bảo vệ những người tham gia vào nghiên cứu khỏi bất kỳ tổn hại nào
 - Tránh sử dụng bất kỳ hành vi lừa dối nào đối với người cung cấp thông tin
 - Bảo vệ quyền riêng tư và bảo mật của tất cả những người tham gia để họ không vô tình tham gia vào nghiên cứu, đặt mình ở bất kỳ vị trí không mong muốn nào
 - Thực hiện các biện pháp phòng ngừa đặc biệt để bảo vệ các nhóm dễ bị tổn thương, chẳng hạn như trẻ em khi chúng là đối tượng trong bất kỳ nghiên cứu điển hình nào.

Cách tiếp cận thiết kế CS

- Theo Ragin (2014), thiết kế nghiên cứu là một kế hoạch thu thập và phân tích bằng chứng giúp người nghiên cứu có thể trả lời bất kỳ câu hỏi nào mà họ đặt ra.
- Thiết kế của một cuộc điều tra liên quan đến tất cả các khía cạnh của nghiên cứu, từ những chi tiết nhỏ nhất của việc thu thập dữ liệu đến việc lựa chọn các kỹ thuật thu thập dữ liệu.
- Thiết kế nghiên cứu là chìa khóa để người nghiên cứu và người đọc kết quả hiểu được các yêu tố chính của nghiên cứu: mục đích nghiên cứu, câu hỏi nghiên cứu, loại nghiên cứu tình huống được thực hiện, phương pháp lấy mẫu được áp dụng, cỡ mẫu, các kỹ thuật thu thập dữ liệu được áp dụng, cách thức phân tích, trình bày dữ liệu và kết quả nghiên cứu.
- Thiết kế nghiên cứu tốt sẽ hướng năng lượng và thời gian của nhà nghiên cứu đi đúng hướng, đồng thời giúp họ tập trung trong suốt quá trình nghiên cứu mà không bị “lạc đề”.
- Phương pháp định tính: phổ biến
 - Sử dụng phương pháp phỏng vấn, quan sát, mô tả, tường thuật, thống kê so sánh, đối chiếu...
 - Đưa ra các phân tích, đánh giá, nhận định dựa trên hệ thống cơ sở lý luận, khung phân tích.
- Phương pháp định lượng: đôi khi
 - Sử dụng các mô hình toán, thống kê nâng cao, kinh tế lượng...

Các yếu tố chính của thiết kế CS

Mục đích nghiên cứu

Loại hình nghiên cứu (thăm dò, giải thích hoặc mô tả)

Câu hỏi nghiên cứu

Lựa chọn tình huống nghiên cứu

Nền tảng nhận thức luận (các khuôn khổ nhận thức/phân tích)

Xem xét các tài liệu liên quan

Lấy mẫu

Phương pháp thu thập dữ liệu được áp dụng

Phương pháp phân tích dữ liệu

Trình bày dữ liệu hiệu quả và mạch lạc

Lấy mẫu định tính



CS phù hợp khi nào?

- CS phù hợp khi muốn có được kiến thức cụ thể, theo ngữ cảnh, chuyên sâu về một chủ đề cụ thể trong thế giới thực.
- CS cho phép khám phá các tính chất, đặc điểm chính, ý nghĩa hay hàm ý của tình huống.
- CS giúp cho nội dung nghiên cứu có tính tập trung và có thể kiểm soát khi không có thời gian hoặc nguồn lực để thực hiện nghiên cứu quy mô lớn.
- Có thể thực hiện một CS phức tạp để khám phá sâu một chủ đề hoặc thực hiện nhiều CS đơn lẻ để so sánh và làm sáng tỏ các khía cạnh khác nhau của vấn đề nghiên cứu.
- CS phù hợp cho trường hợp một luận án hoặc luận văn.

Một số ví dụ CS

Câu hỏi nghiên cứu	Nghiên cứu tình huống
Tác động của tự do hóa tài khoản tài chính lên biến động tỷ giá hối đoái như thế nào?	Nghiên cứu tình huống tự do hóa tài khoản tài chính lên biến động tỷ giá hối đoái ở Việt Nam?
Vai trò của FDI đến tăng năng suất lao động như thế nào?	Nghiên cứu tình huống về vai trò của FDI đến tăng trưởng năng suất lao động ở Việt Nam
Tác động của các dự án điện gió đến tăng trưởng bền vững như thế nào?	Nghiên cứu tình huống các dự án điện gió ở tỉnh Bạc Liêu
Sự hiện diện của các tập đoàn công nghệ lớn của thế giới có tác động như thế nào đến lan tỏa công nghệ trong nước?	Nghiên cứu vai trò của Samsung đến lan tỏa công nghệ ở Việt Nam
Vai trò của người nhập cư đến tăng trưởng kinh tế như thế nào?	Nghiên cứu vai trò của người nhập cư đối với tăng trưởng kinh tế của Bình Dương
Chống tham nhũng tác động như thế nào đến tăng trưởng kinh tế?	Nghiên cứu so sánh tình huống chống tham nhũng ở Việt Nam và Trung Quốc

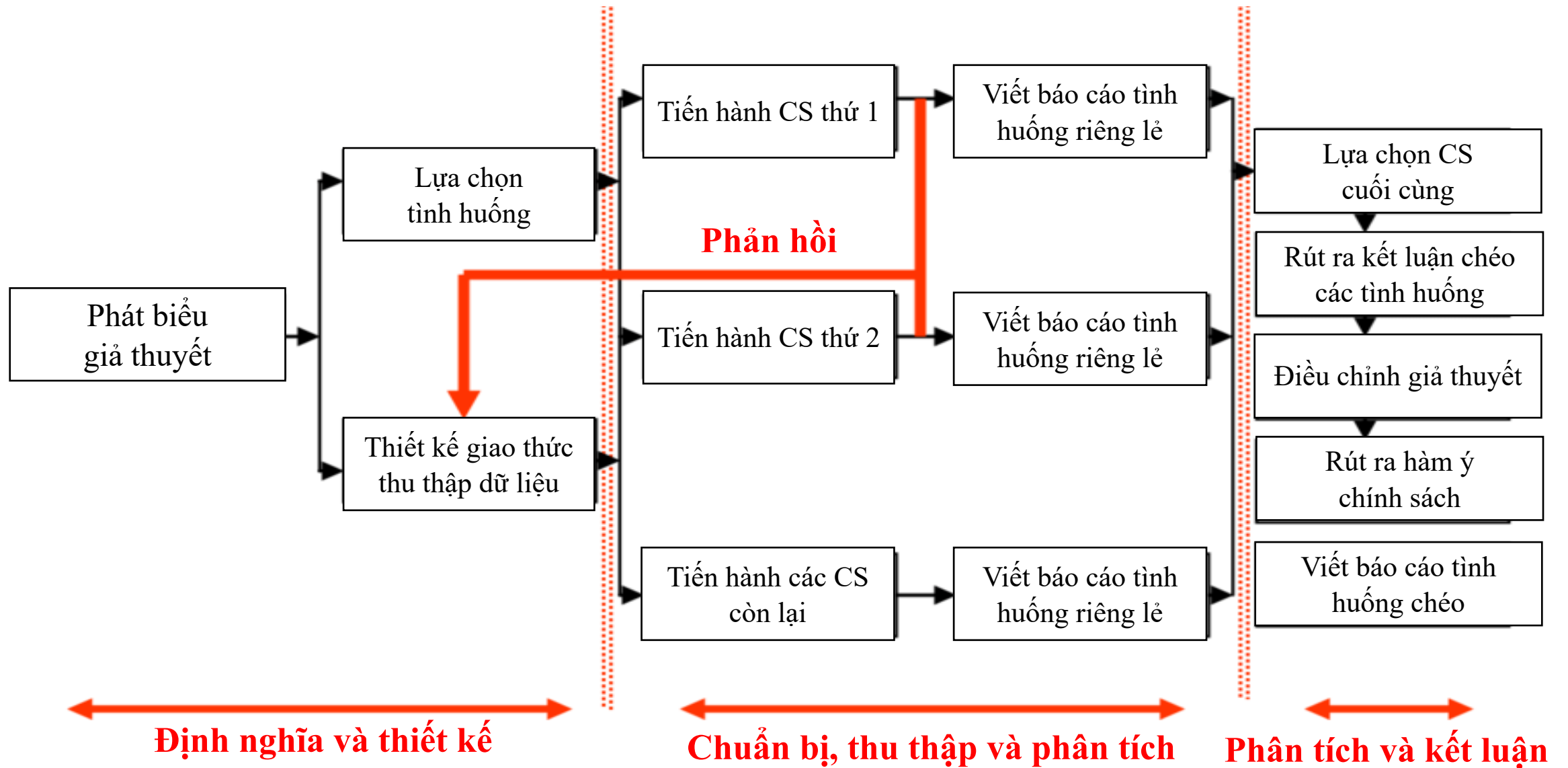
Các bước tiến hành CS

- Bước 1: Bối cảnh và vấn đề nghiên cứu
- Bước 2: Định nghĩa câu hỏi nghiên cứu
- Bước 3: Lựa chọn phương pháp nghiên cứu
- **Bước 4: Lựa chọn tình huống nghiên cứu**
- **Bước 5: Xây dựng khung phân tích**
- **Bước 6: Lựa chọn phương pháp thu thập dữ liệu**
- **Bước 7: Mô tả và phân tích dữ liệu**
- **Bước 8: Kết luận và các hàm ý**

Bước 4: Lựa chọn tình huống nghiên cứu

- Sau khi nhận diện bối cảnh, vấn đề và câu hỏi nghiên cứu, chúng ta sẽ chọn tình huống cụ thể mà mình muốn tập trung vào phân tích.
- Một CS tốt đòi hỏi:
 - Cung cấp những hiểu biết mới hoặc có ý nghĩa về vấn đề nghiên cứu.
 - Thách thức hoặc làm phức tạp các giả định và lý thuyết hiện có.
 - Đề xuất các chính sách hay hành động để giải quyết vấn đề.
 - Mở ra hướng nghiên cứu mới trong tương lai.

Lựa chọn đa tình huống



Lý thuyết và giả thuyết

- Lý thuyết (theory) bao gồm một số giả thuyết, mệnh đề hoặc ý tưởng ăn khớp với nhau giống như lắp vào một trò chơi ghép hình, để trình bày một tổng thể mạch lạc cố gắng khái quát hóa về thực tế phức tạp (Huntington, 1997).
- Giả thuyết (hypothesis) mô tả mối tương quan giữa hai hoặc nhiều biến số.
- CS có thể được sử dụng một cách thích hợp nhất để kiểm tra các giả thuyết chứ không phải toàn bộ lý thuyết.
 - Chúng ta có xu hướng loại bỏ hay ủng hộ một vài giả thuyết hoặc mệnh đề từ lý thuyết hiện có chứ không thể loại bỏ hay ủng hộ một lý thuyết rộng lớn.
- Học thuyết của chủ nghĩa nguy tạo (falsificationism) cho rằng tiến bộ khoa học chỉ có thể đạt được thông qua việc thử nghiệm và làm sai lệch các giả thuyết. Khi giả thuyết này bị làm sai lệch thì sẽ được thay thế bằng các giả thuyết mới. Tiếp theo, giả thuyết mới cũng có thể bị kiểm tra sai lệch. Rốt cuộc người ta không thể xác minh mà chỉ có thể làm sai lệch các giả thuyết (Abercrombie et al., 2006).

Tình huống đơn lẻ và đa tình huống

- **Nghiên cứu tình huống đơn lẻ**
 - Phổ biến nhất và thường được sử dụng.
 - Tình huống là duy nhất hoặc không điển hình, và do đó, nghiên cứu của nó mang tính mặc khải.
 - Sử dụng để kiểm tra một giả thuyết cụ thể.
 - Vụ việc đang được điều tra là ví dụ điển hình của một hiện tượng cụ thể đang được điều tra.
 - Thường không đòi hỏi nhiều nguồn lực.
- **Nghiên cứu đa tình huống**
 - Đa diện và mạnh mẽ hơn so với tình huống đơn lẻ.
 - Cơ hội loại bỏ các lỗi và thành kiến.
 - Kết quả nghiên cứu dễ chấp nhận hơn.
 - Đòi hỏi nhiều nguồn lực.

Bước 5: Xây dựng khung phân tích

- CS thường tập trung vào các chi tiết cụ thể hơn là các lý thuyết chung nhưng CS thường gắn với một hoặc hệ thống các lý thuyết có liên quan.
- CS không đơn thuần là sự mô tả đơn lẻ, rời rạc mà cần được tích hợp vào các kiến thức hay hiểu biết hiện có.
- CS phải đi kèm với việc xây dựng khung phân tích nhằm đảm bảo cơ sở học thuật vững chắc.
- Mục đích:
 - **Minh họa** một lý thuyết bằng cách chỉ ra cách lý thuyết đó được giải thích trong tình huống đang được sử dụng
 - **Mở rộng** lý thuyết bằng cách khám phá, bổ sung, kết hợp các khái niệm hay ý tưởng mới
 - **Thách thức** một lý thuyết bằng cách chỉ ra hay chứng minh một trường hợp ngoại lệ không phù hợp với khuôn khổ lý thuyết đã thiết lập
- Để thực hiện CS, cần xem xét các tài liệu liên quan đến chủ đề và phát triển khung lý thuyết nhằm hướng dẫn các phân tích.

Bước 6: Lựa chọn phương pháp thu thập dữ liệu

- Có nhiều phương pháp thu thập dữ liệu khác nhau có thể được áp dụng cho CS tùy theo tính chất, đặc điểm, quy mô, phạm vi nghiên cứu.
- CS có thể sử dụng bất kỳ phương pháp thu thập dữ liệu nào phù hợp với mục đích nghiên cứu (miễn là khả thi và hợp đạo đức).
- Để đảm bảo một CS lành mạnh, không pha trộn và không thiên vị, các phương pháp thu thập dữ liệu có thể được sử dụng:
 - Dữ liệu sơ cấp: Phỏng vấn, điều tra, khảo sát, bảng hỏi, quan sát, thực địa...
 - Dữ liệu thứ cấp: sách, báo, tranh/ảnh, ghi âm/hình, các tài liệu, văn bản chính thức...
- Đôi khi một CS cũng sẽ thu thập dữ liệu định lượng (dữ liệu điều tra, khảo sát quy mô lớn).

Những yêu cầu về dữ liệu

- **Hiệu lực thiết lập (Construct Validity):** Nghĩa là lựa chọn công cụ đo lường thích hợp nhất cho các khái niệm đang được nghiên cứu
 - *Công cụ được thiết lập có thực sự giúp đo lường những gì muốn đánh giá không?*
- **Hiệu lực bên trong (Internal Validity):** Khả năng sử dụng các công cụ hay phương pháp luận khác nhau để kiểm tra kết quả tương tự.
 - **Lưu ý:** Đôi khi vấn đề nằm ở yếu tố giả, yếu tố không được đo lường, không được tính toán chứ không phải là yếu tố được đề xuất hoặc dự kiến dùng để giải thích kết quả.
 - *Liệu có thể sử dụng những phương pháp khác để kiểm tra hiện tượng tương tự không?*
- **Hiệu lực bên ngoài (External Validity):** Dữ liệu có thể được áp dụng tốt cho các tình huống phổ quát hơn thay vì chỉ áp dụng cho tình huống cụ thể, tức khả năng khái quát hóa.
 - *Dữ liệu có thể được suy rộng ra cho toàn ngành hay những tình huống khác không?*
- **Độ xác thực (Reliability):** Mức độ mà kết quả có thể được lặp lại theo những cách mang lại kết quả tương tự, nghĩa là mức độ chính xác và ổn định của kết quả
 - *Nghiên cứu có thể được lặp lại bởi những người khác và kết quả sẽ giống nhau không?*

Làm sao để xác định độ tin cậy của CS?

- 'Chất lượng' của một nghiên cứu định tính hay một CS có thể được đánh giá thông qua tiêu chí chính được gọi là 'độ tin cậy' (trustworthiness)
- Có 4 khía cạnh chính có giá trị tương đương như nghiên cứu định lượng (Bryman 2008):

- Đáng tin (credibility) hay khả năng chấp nhận rộng rãi: tương đương với hiệu lực bên trong
 - Đáng tin được thể hiện qua khả năng chấp nhận rộng rãi, đó là khi nghiên cứu được thực hiện một cách nghiêm túc, chuyên nghiệp, phù hợp với các nguyên tắc và thông lệ, sự đánh giá nghiêm ngặt của đồng nghiệp.
 - Sự đáng tin được thể hiện qua xác nhận của người trả lời (Guba và Lincoln 1994: 'respondent validation').

Khả năng chuyển giao (transferability): tương đương hiệu lực bên ngoài

- Khả năng chuyển giao những phát hiện sang môi trường khác.
- Độ xác tín (dependability): tương đương với độ xác thực
 - Phương pháp kiểm toán (Guba và Lincoln 1994): đảm bảo rằng tất cả các hồ sơ ở các giai đoạn khác nhau của nghiên cứu được duy trì theo chuẩn mực (ví dụ như xây dựng vấn đề, ghi chú thực địa, bảng điểm phỏng vấn, phân tích dữ liệu, v.v...)
- Sự phù hợp (conformity): tương đương với tính khách quan trong nghiên cứu định lượng
 - Khó xảy ra vì khó loại bỏ hoàn toàn định kiến.
 - Vẫn có thể đạt được bằng cách làm nổi bật các giá trị ưu tiên.

Bước 7: Mô tả và phân tích

- Yêu cầu chung: Cần tập hợp tất cả các khía cạnh có liên quan lại với nhau để đưa ra một bức tranh hoàn chỉnh nhất có thể về vấn đề nghiên cứu.
- Cách mô tả, phân tích hay phát biểu những phát hiện của mình tùy thuộc vào loại nghiên cứu đang thực hiện.
- Một số CS được cấu trúc giống như một bài báo hoặc luận văn khoa học, tiêu chuẩn, với các phần hoặc chương riêng biệt về phương pháp luận, kết quả phân tích và thảo luận.
- Một số CS khác được viết theo phong cách tường thuật theo diễn biến, tính chất, đặc điểm của tình huống nhằm khám phá nhiều góc độ khác nhau và phân tích ý nghĩa cũng như hàm ý của nó.
- Tuy nhiên nhìn chung, một CS cần đảm bảo:
 - Cung cấp chi tiết theo ngữ cảnh về tình huống
 - Kết nối tình huống với lý thuyết/khung phân tích
 - Sự phù hợp với các mô hình hoặc các tranh luận rộng lớn hơn

Bước 8: Kết luận và các hàm ý

- Kết quả của CS cần đưa ra được các kết luận có được từ các phân tích
 - Xác nhận hay bác bỏ các giả thuyết
 - Tuyên bố các phát hiện cũ và mới
 - ‘Phải – Trái – Đúng – Sai’
- Các hàm ý hay bài học rút ra từ CS cho các bên liên quan
 - Điều tốt vs. Điều xấu
 - Điều nên làm vs. Điều nên tránh

Tự kiểm tra để đánh giá đề xuất CS có khả thi không

	Rõ ràng: Đề cương có viết tốt không?
Giao tiếp	Tính toàn vẹn: Các mảnh của nó có khớp với nhau không?
	Tính hấp dẫn: Nó có khơi gợi sự quan tâm của người đọc không?
Nội dung	Bối cảnh và vấn đề nghiên cứu: Bối cảnh và vấn đề nghiên cứu có được xác định đầy đủ không?
	Câu hỏi nghiên cứu: Các câu hỏi nghiên cứu chính có được xác định không?
	Nguồn dữ liệu: Có đủ nguồn dữ liệu được xác định không?
Phương pháp	Lựa chọn tình huống: Phương án lựa chọn có hợp lý không?
	Thu thập dữ liệu: Các hoạt động thu thập dữ liệu có được vạch ra không?
	Kiểm chứng: Nhu cầu và cơ hội đối với kiểm tra chéo có được chỉ ra không?
Thực tiễn	Truy cập: Các sắp xếp để bắt đầu có được dự đoán trước không?
	Bảo mật: Có sự nhạy cảm đối với việc bảo vệ mọi người không?
	Chi phí: Ước tính thời gian và nguồn lực có hợp lý không?

Những sai lầm cần tránh khi thực hiện CS

Sai lầm tiềm ẩn

Lựa chọn/khái niệm hóa sai về tình huống dẫn đến thiếu khái quát hóa lý thuyết

Thu thập khối lượng lớn dữ liệu không liên quan đến tình huống hoặc quá ít để mang lại giá trị nhất định

Xác định/giới hạn tình huống

Thiếu nghiêm ngặt

Vấn đề đạo đức

Tích hợp với khung lý thuyết

Hành động giảm nhẹ

Phát triển kiến thức chuyên sâu về tài liệu lý thuyết và thực nghiệm, biện minh cho các lựa chọn được thực hiện

Tập trung thu thập dữ liệu phù hợp với các câu hỏi nghiên cứu, đồng thời linh hoạt và cho phép khám phá các lựa chọn khác nhau

Tập trung vào các thành phần liên quan (theo thời gian và/hoặc không gian), làm rõ những gì nằm ngoài phạm vi vấn đề nghiên cứu

Kiểm tra chéo, xác thực người trả lời, sử dụng lấy mẫu lý thuyết, minh bạch trong suốt quá trình nghiên cứu

Ấn danh một cách thích hợp vì các tình huống thường dễ dàng được xác định đối với người trong cuộc, sự đồng ý của người tham gia

Cho phép các vấn đề bất ngờ xuất hiện và không ép buộc, thử nghiệm các giải thích sơ bộ, rõ ràng về các quan điểm nhận thức luận trước